

## PHỤ LỤC V

### BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH HẰNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT (Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

**TẬP ĐOÀN  
ĐIỆN LỰC VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2  
MST: 1800590430**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1784 A /GENCO2-KH

Cần Thơ, ngày 15 tháng 6 năm 2017

**Năm báo cáo: 2017**

#### 1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước

##### a) Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm trước:

Tổng sản lượng điện sản xuất thực hiện 03 năm là 47.578 triệu kWh đạt 112% kế hoạch. Trong đó, khối nhiệt điện than thực hiện được 38.188 triệu kWh đạt 115% kế hoạch chiếm tỷ trọng 80,3% tổng sản lượng toàn Tổng công ty, khối thủy điện thực hiện được 8.316 triệu kWh đạt 93,4% kế hoạch chiếm tỷ trọng 17,5% và khối nhiệt điện dầu thực hiện được 1.073 triệu kWh đạt 288% kế hoạch chiếm tỷ trọng 2,2% vì để đảm bảo an toàn cung cấp điện cho Hệ thống điện Quốc gia trong các đợt cắt khí và trong thời gian xử lý sự cố các Nhà máy Nhiệt điện than khu vực phía Nam, năm 2016, Nhà máy Nhiệt điện dầu Ô Môn – Cần Thơ được huy động phát sản lượng cao, sản lượng điện thực hiện tăng gấp 4,4 lần so với kế hoạch đầu năm, cụ thể:

Đơn vị tính: Triệu kWh

S T T	Đơn vị	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Thực hiện 3 năm		TH/KH 03 năm (%)
		KH 2014	TH 2014	KH 2015	TH 2015	KH 2016	TH 2016	KH	TH	
	<b>Công ty mẹ và 100% vốn</b>	<b>918</b>	<b>1.012</b>	<b>1.047</b>	<b>1.049</b>	<b>1.255</b>	<b>2.100</b>	<b>3.190</b>	<b>4.161</b>	<b>130</b>
	<b>Nhiệt điện dầu</b>	<b>110</b>	<b>112</b>	<b>57</b>	<b>57</b>	<b>205</b>	<b>904</b>	<b>372</b>	<b>1.073</b>	<b>288</b>
1	Cần Thơ- Ô Môn	97	98	57	57	205	904	359	1.059	295
2	Thủ Đức	13	14	-	-	-	-	13	14	108
	<b>Thủy điện</b>	<b>808</b>	<b>900</b>	<b>990</b>	<b>992</b>	<b>1.020</b>	<b>1.195</b>	<b>2.818</b>	<b>3.087</b>	<b>110</b>
3	An Khê-Kanak	600	581	405	406	467	519	1.472	1.506	102
4	Quảng Trị	208	233	220	220	148	236	567	689	120
5	Sông Bung 4	-	86	365	366	405	440	770	892	116

S T T	Đơn vị	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Thực hiện 3 năm		TH/KH 03 năm (%)
		KH 2014	TH 2014	KH 2015	TH 2015	KH 2016	TH 2016	KH	TH	
	<b>Công ty cổ phần</b>	<b>12.492</b>	<b>14.635</b>	<b>14.498</b>	<b>14.795</b>	<b>12.428</b>	<b>13.987</b>	<b>39.418</b>	<b>43.417</b>	<b>110</b>
	<b>Nhiệt điện than</b>	<b>10.355</b>	<b>12.637</b>	<b>12.447</b>	<b>13.236</b>	<b>10.533</b>	<b>12.315</b>	<b>33.315</b>	<b>38.188</b>	<b>115</b>
1	Hải Phòng	4.783	6.332	6.457	6.938	6.975	7.069	18.215	20.339	112
2	Phả Lại	5.572	6.305	5.990	6.298	3.558	5.246	15.120	17.849	118
	<b>Thủy điện</b>	<b>2.137</b>	<b>1.998</b>	<b>2.051</b>	<b>1.559</b>	<b>1.895</b>	<b>1.672</b>	<b>6.083</b>	<b>5.229</b>	<b>86</b>
3	A Vương	699	596	598	569	530	611	1.827	1.776	97
4	Sông Ba Hạ	697	537	695	344	644	586	2.036	1.467	72
5	Thác Mơ	741	865	758	646	721	475	2.220	1.986	89
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.410</b>	<b>15.647</b>	<b>15.545</b>	<b>15.844</b>	<b>13.653</b>	<b>16.087</b>	<b>42.608</b>	<b>47.578</b>	<b>112</b>

Từ kết quả thực tế hoạt động nêu trên, sản lượng điện thương phẩm của EVNGENCO2 luôn vượt kế hoạch được giao góp phần tích cực đến việc tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Năm 2014, lợi nhuận trước thuế vượt 186% kế hoạch, tuy nhiên, từ năm 2015 đến năm 2016 lợi nhuận hợp nhất không đạt kế hoạch là do hiện tượng khô hạn El Nino trên diện rộng kéo dài làm giảm sản lượng điện phát của các nhà máy thủy điện trong năm. Bên cạnh đó, năm 2015 chịu ảnh hưởng lớn bởi biến động tỷ giá, ngoại tệ tăng trên 4% làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 của toàn Tổng công ty.

Chỉ tiêu	2014			2015			2016		
	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%
Sản lượng điện thương phẩm (triệu kWh)	12.336	14.484	117%	14.277	14.727	103%	12.761	14.892	117%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	1.037	1.932	186%	1.916	857	45%	1.595	500	31%

*b) Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước*

EVNGENCO2 đã đạt được một số kết quả quan trọng trong giai đoạn này khi đã hoàn thành công tác xây dựng và đưa vào vận hành ổn định 05 tổ máy thuộc 03 dự án nguồn điện với tổng công suất 1.086 MW, trong đó năm 2014 là 756 MW (gồm Nhiệt điện Hải Phòng 2 - 2 tổ máy (600 MW) và TĐ Sông Bung 4 - Tổ máy số 1&2 (156 MW)); năm 2015: Tổ máy số 2 Nhiệt điện Ô Môn I - 330 MW góp phần nâng cao công suất của lưới điện, tăng khả năng dự phòng của lưới điện.

EVNGENCO2 đã tập trung đầu tư các dự án nguồn điện theo kế hoạch được Tập đoàn giao và thực hiện theo các mục tiêu được Chính Phủ phê duyệt. Trên cơ sở kế hoạch ĐTXD hàng năm được EVN giao, EVNGENCO2 tổ chức điều hành các dự án nguồn điện bám sát các mục tiêu tiến độ nhằm đạt được khối lượng đầu tư xây dựng với giá trị cao và hoàn thành đưa vào vận hành nhiều công trình nguồn điện để đảm bảo góp phần cung cấp điện cho cả nước.

- Công tác tái khởi động các dự án Nhiệt điện Ô Môn III&IV theo chủ trương của Chính phủ và chỉ đạo của EVN đã được EVNGENCO2 tích cực, chủ động triển khai thực

hiện. Kết quả, trong năm 2016 đã hoàn tất phê duyệt Quy hoạch hiệu chỉnh TTĐL Ô Môn và đệ trình Tập đoàn BCNCKT hiệu chỉnh của 02 dự án Nhiệt điện Ô Môn III&IV, hiện đang hoàn thiện BCNCKT hiệu chỉnh theo yêu cầu của EVN và tiếp tục hoàn chỉnh các thủ tục chuẩn bị đầu tư để phân đấu đưa vào vận hành đồng bộ với tiến độ cấp khí Lô B.

- EVNGENCO2 thực hiện quản lý điều hành các dự án Thủy điện Sông Bung 2; dự án TĐ Trung Sơn cơ bản bám sát tiến độ phê duyệt, hoàn thành mục tiêu chống lũ hàng năm, đảm bảo an toàn cho các công trình đang thi công. Năm 2016, dự án Thủy điện Sông Bung 2 đã hoàn thành thi công các hạng mục công trình chính và hoàn thành công tác lắp đặt, thí nghiệm các tổ máy đáp ứng mục tiêu, dự kiến phát điện các tổ máy trong năm 2017; Dự án Thủy điện Trung Sơn đã cơ bản hoàn thành các hạng mục công trình chính đáp ứng tiến độ 2016, đã tích nước hồ chứa vào cuối năm 2016 và đã phát điện các tổ máy vào các tháng đầu năm 2017.

- Giá trị giải ngân giai đoạn năm 2014 đến năm 2016 là 12.899 tỷ đồng/14.230 tỷ đồng kế hoạch.

*c) Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm*

Năm 2014, Dự án Thủy điện Sông Bung 4 phát điện Tổ máy số 1 vào ngày 26/09/2014 (sớm hơn kế hoạch 04 ngày) và Tổ máy 2 vào ngày 17/10/2014 (sớm hơn kế hoạch 08 ngày), được chính thức nghiệm thu bàn giao toàn bộ công trình đưa vào sử dụng cấp chủ đầu tư vào ngày 03/07/2015.

Tăng vốn điều lệ của Công ty mẹ từ 10.677 tỷ đồng lên 11.702 tỷ đồng tại Quyết định số 195/QĐ-EVN ngày 02/11/2015 của EVN về việc giao vốn điều lệ cho Tổng công ty Phát điện 2.

Năm 2015, Tổ máy 2 Dự án Nhiệt điện Ô Môn I vào vận hành thương mại ngày 6/11/2015, hoàn thành đúng tiến độ và đảm bảo vai trò phát điện, an ninh năng lượng quốc gia.

Năm 2015, bàn giao Công ty Nhiệt điện Thủ Đức cho EVNGENCO3.

Giai đoạn năm 2014 - năm 2016, EVNGENCO2 đã triển khai thực hiện các công tác nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh như: triển khai công tác sửa chữa bảo dưỡng tập trung vào độ tin cậy, ổn định của thiết bị và hệ thống điện (RCM –Reliability centered manterance); triển khai thực hiện các giải pháp nâng cao năng suất các máy nghiền than, tối ưu hóa phương thức vận hành các bơm tuần hoàn ứng với các nấc công suất máy phát... Bên cạnh đó, để nâng cao công tác quản lý, Tổng công ty đã nâng cấp hệ thống quản lý văn bản E-Office tại Tổng công ty Phát điện 2 và các đơn vị thành viên giúp Ban Lãnh đạo TCT truy cập hệ thống E-Office của các đơn vị và ngược lại.

*d) Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.*

*\* Những thuận lợi:*

- Kinh tế - xã hội của đất nước có bước phát triển mới, tình hình chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được giữ vững.

- Năng lực quản lý và trình độ kỹ thuật của cán bộ công nhân viên được nâng cao; Khoa học công nghệ trong sản xuất, truyền tải và phân phối điện có những bước tiến đáng kể; Cán bộ đảng viên, công nhân viên chức đoàn kết, nhất trí trên dưới một lòng.

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 24/2011/QĐ-TTg ngày 15/4/2011 về điều chỉnh giá bán điện theo cơ chế thị trường. Thực hiện cơ chế giá bán điện mới sẽ tạo điều kiện cho Tập đoàn dần dần khắc phục các khoản lỗ của các năm trước và tiến tới cân bằng tài chính, sản xuất kinh doanh điện có lợi nhuận hợp lý.

- Sự chỉ đạo kịp thời, sâu sát của Chính phủ, của bộ chủ quản (Bộ Công Thương), của cơ quan chỉ đạo trực tiếp (Cục Điều tiết điện lực) và của đơn vị quản lý cấp trên (Tập đoàn Điện lực Việt Nam).

- Sự ủng hộ, đồng thuận của cộng đồng dân cư nơi thực hiện các dự án, công trình, nơi các nhà máy điện hoạt động. Sự tin cậy, cộng tác của cộng đồng doanh nghiệp.

**\* Những khó khăn, thách thức:**

- Những năm gần đây thời tiết thường diễn ra bất thường, nắng nóng kéo dài, mưa rất ít làm lưu lượng nước về các hồ rất thấp nên sản lượng điện các nhà máy Thủy điện của Tổng công ty phát thấp do đó ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Tổng công ty.

- Các tổ máy thủy điện của Tổng công ty Phát điện 2 có công suất thấp, thêm vào đó, Tổng công ty còn quản lý các tổ máy nhiệt điện dầu có giá thành cao dẫn đến việc cân đối tài chính của Tổng công ty còn gặp nhiều khó khăn.

- Sản xuất kinh doanh điện và đầu tư của EVNGENCO 2 tiếp tục chịu ảnh hưởng lớn, rủi ro của các yếu tố đầu vào cơ bản như giá nhiên liệu, biến động tỷ giá ngoại tệ, cơ cấu sản lượng điện phát, chính sách tín dụng, tiền tệ.

- Đa số các dự án sử dụng vốn vay rất lớn trong tỷ trọng nguồn vốn đầu tư.

- Tiến độ thực hiện các dự án Ô Môn III & IV phụ thuộc vào tiến độ đưa khí về Ô Môn và công tác thu xếp vốn cho các dự án. Các công tác này đang phụ thuộc vào các Bộ ngành và Chính Phủ.

- Cơ chế giá điện chưa thu hút được nhà đầu tư, đặc biệt là giá điện gió còn thấp so với khu vực và trên thế giới.

*đ) Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu,...)*

***Triển vọng***

Hiện nay, thị trường điện nhận được sự quan tâm đặc biệt của Nhà nước nhằm chuyển ngành điện theo cơ chế thị trường, tăng tính minh bạch và cạnh tranh, bên cạnh đó sẽ đảm bảo sự phát triển vững mạnh của ngành, phục vụ nhu cầu cung cấp điện cho các hoạt động sản xuất và đời sống chính trị xã hội của đất nước.

Ngành điện trong thời gian tới có những lợi thế do nhu cầu sử dụng điện ngày một gia tăng do sự phát triển kinh tế và các yếu tố xã hội - con người. Theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước về việc giảm mức lãi suất và gia tăng hoạt động trong các ngành kinh tế, nhu cầu tiêu thụ điện sẽ ngày một tăng cao. Ngoài ra, nhằm chuyển đổi cơ cấu thị trường, ngày 08/11/2013, Quyết định số 63/2013/QĐ-TTg được ban hành, quy định về lộ

trình, các điều kiện và cơ cấu ngành điện để hình thành và phát triển các cấp độ thị trường điện lực Việt Nam, đặc biệt Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 1275/QĐ-BCT ngày 23/11/2015 phê duyệt Kế hoạch thực hiện vận hành Thị trường bán buôn điện cạnh tranh thí điểm năm 2016.

### ***Mục tiêu***

- Phân đấu trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất điện. Là một doanh nghiệp mạnh trong công tác quản lý các dự án nguồn điện, quản lý vận hành các nhà máy điện và tạo ra các sản phẩm dịch vụ có chất lượng cao trong lĩnh vực điện. Phân đấu để EVNGENCO2 trở thành thương hiệu có uy tín cao trong lĩnh vực điện.

- Phát triển ổn định, bền vững, có sức cạnh tranh cao, hoạt động vì mục tiêu góp phần bảo đảm an ninh năng lượng Quốc gia, đồng thời hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận, giải quyết việc làm cho người lao động và tích lũy đầu tư để phát triển bền vững.

- Bảo toàn và phát triển vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp; sản xuất kinh doanh có lãi, từng bước lành mạnh hóa bức tranh tài chính và cổ phần hóa thành công EVNGENCO2.

### ***Công tác chuẩn bị trong tương lai nhằm tạo lợi thế cạnh tranh cho EVNGENCO2:***

- Tích cực phát triển nguồn điện mới, đồng thời đảm bảo tiến độ các dự án nguồn đang đầu tư:

+ Thủy điện: Sông Bung 2, Trung Sơn;

+ Nhiệt điện: Ô Môn III, IV.

+ Điện gió Công Hải - giai đoạn 1, 2.

- Xây dựng kế hoạch đồng bộ góp phần lành mạnh hóa tài chính:

+ Tăng cường dòng tiền cho Tổng công ty: giám sát, đôn đốc các công ty cổ phần; hướng dẫn, phối hợp với các đơn vị hạch toán phụ thuộc hoàn thành trong thời gian ngắn nhất các hồ sơ, thủ tục thanh toán tiền điện hàng tháng.

+ Đàm phán và ký kết hợp đồng mua bán điện của các nhà máy mới theo hướng dẫn của Thông tư 56/2014/TT-BCT và Thông tư 51/2015 của Bộ Công Thương.

- Xây dựng chiến lược tối ưu hóa nguồn nhân lực

+ Đồng bộ hóa cơ cấu lao động trong lĩnh vực thị trường điện với lộ trình sắp xếp cơ cấu để cổ phần hóa, trong phạm vi toàn Tổng công ty.

+ Triển khai các lớp đào tạo ngắn hạn cho thí điểm VWEM 2017 và vận hành thử nghiệm VWEM 2018.

+ Xây dựng chiến lược nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (dài hạn) cho giai đoạn đầy đủ của VWEM và những năm tiếp theo.

- Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, tăng năng suất lao động, giảm chi phí để giá thành sản xuất điện có tính cạnh tranh cao trên thị trường điện, nâng cao hiệu quả SXKD của doanh nghiệp.

- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật để đảm bảo các tổ máy vận hành tin cậy, kinh tế, đầu tư phát triển khoa học, đổi mới công nghệ, hiện đại hóa các nhà máy có công nghệ cũ, nâng cao mức độ an toàn, nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Đẩy mạnh thực hiện tối ưu hóa chi phí trong sản xuất điện năng:

+ Xây dựng kế hoạch tăng cường công tác quản lý và nâng cao hiệu quả chiến lược chào giá trên thị trường phát điện cạnh tranh (hiện nay) và thị trường bán buôn điện cạnh tranh (tương lai) của các nhà máy điện để tối đa hóa doanh thu từ hoạt động sản xuất điện năng.

+ Xây dựng kế hoạch vận hành an toàn các nhà máy, tối thiểu hóa suất sự cố, phát huy tối đa công suất để đảm bảo sản lượng điện phát luôn cao hơn Qc, đồng thời với tiết kiệm điện, giảm dần tỉ lệ điện tự dùng và tổn thất để tối đa hóa sản lượng điện thương phẩm.

+ Xây dựng kế hoạch đáp ứng tốt công tác thủy lợi: đảm bảo cấp nước tưới tiêu nông nghiệp và sinh hoạt cho hạ du trong mùa khô, tích nước chống lũ trong mùa mưa bão; đồng thời giảm thiểu đến mức thấp nhất lãng phí do việc xả nước qua tràn trong mùa mưa bão để tối ưu hóa tài nguyên nước.

+ Xây dựng kế hoạch và thực hiện nghiêm công tác trồng bù rừng, tăng cường bảo vệ rừng đầu nguồn ở các hồ thủy điện để bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học của môi trường rừng Việt Nam.

- Xây dựng kế hoạch cung cấp thông tin, thực hiện tốt chế độ báo cáo với các cơ quan chức năng theo đúng quy định, xây dựng kế hoạch công bố thông tin có độ tin cậy và tính minh bạch cao trên thị trường điện Việt Nam. Nâng cao uy tín và vị thế của Tổng công ty trên thị trường điện Việt Nam và các nhà đầu tư quốc tế.

**BIỂU SỐ 1**

**MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2014	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	Ước thực hiện năm báo cáo (năm 2017)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất	Tr.kWh	15.647	15.844	16.087	17.295
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	22.498,490	21.281,297	22.098,028	26.162,121
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.931,636	857,142	500,198	2.390,215
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	1.851,677	1.506,036	1.304,114	1.543,956
5	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1000 USD	Không có	Không có	Không có	Không có
6	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)		Không có	Không có	Không có	Không có
7	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tỷ đồng	<b>8.122,287</b>	<b>3.957,961</b>	<b>3.023,365</b>	<b>1.103,514</b>
a)	- Nguồn ngân sách	“	522,864	422,602	542,995	343,852
b)	- Vốn vay	“	7.599,423	3.535,359	2.480,370	759,662
c)	- Vốn khác	“	-	-	-	-
8	Tổng lao động <sup>(*)</sup>	Người	3.577	3.328	3.347	3.470
9	Tổng quỹ lương <sup>(*)</sup>	Tỷ đồng	692,444	660,061	706,793	781,897
a)	- Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	3,810	4,694	4,53	5,071
b)	- Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	688,634	655,367	702,263	776,826

\* Đối với tập đoàn kinh tế, tổng công ty và nhóm công ty mẹ - công ty con là báo cáo hợp nhất.

(\*): Chưa bao gồm các Ban quản lý dự án.

2. Tình hình đầu tư tại các công ty con

**BIỂU SỐ 2: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NĂM CỠ PHẢN CHI PHỐI**

TT	Tên Doanh nghiệp	Thực hiện năm 2014			Thực hiện năm 2015			Thực hiện năm 2016			Thực hiện năm 2017		
		Vốn Điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của Cty mẹ (%)	Vốn thực góp (tỷ đồng)	Vốn Điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của Cty mẹ (%)	Vốn thực góp (tỷ đồng)	Vốn Điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của Cty mẹ (%)	Vốn thực góp (tỷ đồng)	Vốn Điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của Cty mẹ (%)	Vốn thực góp (tỷ đồng)
1	Các Cty con do Cty mẹ nắm giữ 100% VĐL	1.270,00	-	505,81	1.170,00	-	437,61	1.170,00	-	485,81	1.170,00	-	485,81
-	TETPCo	100,00	100,00	116,18	0	0	0	0	0	0	0	0	0
-	TSHPCo	1.170,00	100,00	389,63	1.170,00	100,00	437,61	1.170,00	100,00	485,81	1.170,00	100,00	485,81
2	Các Cty con do Cty mẹ nắm CP chi phối	11.362,81	-	5.989,53	11.362,81	-	6.001,05	10.955,12	-	6.001,05	10.995,12	-	6.001,05
-	PPC	3.262,35	51,00	1.663,92	3.262,35	51,00	1.663,92	3.262,35	51,00	1.663,92	3.262,35	51,00	1.663,92
-	HPC	5.000,00	51,00	2.550,00	5.000,00	51,00	2.550,00	5.000,00	51,00	2.550,00	5.000,00	51,00	2.550,00
-	AVC	1.120,46	87,45	656,30	1.120,46	87,45	656,30	750,52	87,45	656,30	750,52	87,45	656,30
-	SBH	1.280,00	60,84	755,89	1.280,00	61,78	767,41	1.242,25	61,78	767,41	1.242,25	61,78	767,41
-	TMP	700,00	51,92	363,42	700,00	51,92	363,42	700,00	51,92	363,42	700,00	51,92	363,42